

Dấu ấn sinh hoạt văn hóa trong truyện ngắn Đồng bằng Sông Cửu Long mười năm đầu thế kỷ XXI

Phạm Thị Lương

Trường Đại học Bạc Liêu

Email: ptluongblu@gmail.com

Ngày nhận bài: 5/12/2021; Ngày sửa bài: 17/7/2022; Ngày duyệt đăng: 19/7/2022

Tóm tắt

Truyện ngắn Đồng bằng sông Cửu Long mười năm đầu thế kỷ XXI đã để lại những dấu ấn văn hóa độc đáo mang đặc trưng của cư dân vùng sông nước. Văn học mỗi vùng miền cho thấy những dấu ấn văn hóa riêng biệt của vùng đất đó. Mọi bình diện văn hóa đều được khai thác để làm nổi bật đời sống vật chất, đời sống tinh thần của con người. Các nhà văn đã lồng ghép những khía cạnh văn hóa vào trong mọi mặt đời sống của nhân vật. Đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người nơi đây được khai thác ở chiều sâu góc nhìn văn hóa. Giá trị của những bình diện văn hóa tồn tại trong mọi mặt của đời sống. Tìm hiểu dấu ấn sinh hoạt văn hóa trong truyện ngắn Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn này, bài viết quy chiếu các khía cạnh từ góc nhìn địa văn hóa để làm nổi bật những dấu ấn sinh hoạt văn hóa tâm linh, văn hóa văn nghệ và văn hóa ẩm thực trong đời sống của cư dân đồng bằng.

Từ khóa: *Đồng bằng sông Cửu Long, truyện ngắn, sự bảo tồn văn hóa, văn hóa, văn hóa tâm linh*

The impressions of cultural activities in the short stories of the Mekong Delta in the first ten years of the 21st century

Abstract

The short stories of the Mekong Delta in the first ten years of the 21st century have the unique cultural impression with the characteristics of the inhabitants of the river region. The literature of each region shows the special cultural impression. All cultural aspects are exploited to highlight the material and spiritual life of people. Writers have incorporated cultural aspects into all aspects of their characters' lives. The material life and spiritual life of people here are exploited in depth from a cultural perspective. The value of cultural aspects exists in all aspects of life. Understanding the impression of cultural activities in the short stories of the Mekong Delta in this period, the article references aspects from a geocultural perspective to highlight the impression of spiritual culture, culture of arts and cultural activities in the life of the inhabitants of the delta.

Keywords: *Mekong Delta, short stories, cultural preservation, culture, spiritual culture*

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu truyện ngắn Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thập niên đầu thế kỷ XXI từ góc nhìn văn hóa có thể xem là

một hướng tiếp cận khai thác hiệu quả để làm nổi bật những nét đẹp đặc trưng văn hóa của vùng sông nước Cửu Long. ĐBSCL vốn là vùng có sự giao thoa văn hóa giữa

các dân tộc. Phần lớn các nhà văn ĐBSCL sinh ra và lớn lên ở miền Tây Nam Bộ nên họ có sự trải nghiệm sâu sắc đời sống vùng sông nước. Cuộc sống gắn liền với các yếu tố địa văn hóa đã hình thành ở họ tâm thức sáng tạo hướng về những giá trị văn hóa và truyền tải thông điệp bảo tồn, phát huy giá trị tinh thần của cư dân ĐBSCL trên hành trình tiếp biến và hội nhập văn hóa. Truyện ngắn ĐBSCL mười năm đầu thế kỷ XXI chưa thực sự thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trên bình diện sâu rộng về văn hóa, trừ những bài viết mang tính chất nhận định chung. Trong khi đó, tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa là một xu hướng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu hiện nay. Phương thức khám phá này giúp người đọc có thể thâm nhập khai thác chiều sâu ý nghĩa văn bản. Người đọc phải lý giải những giá trị văn hóa được mã hóa trong các ký hiệu ngôn ngữ để hiểu rõ dấu ấn văn hóa độc đáo được thể hiện. Khai thác tác phẩm từ góc nhìn văn hóa giúp người đọc nhận cảm được nét đẹp sinh hoạt văn hóa của mỗi cộng đồng, dân tộc và thời đại.

Các nhà văn ĐBSCL thập niên đầu thế kỷ XXI đã có nhiều trang viết thể hiện sâu sắc nét văn hóa đặc trưng của cư dân vùng sông nước. Họ đã miêu tả một đồng bằng với vẻ đẹp văn hóa sống động và phong phú bằng tâm thức sáng tạo của những con người gắn bó máu thịt với miền Tây Nam Bộ. Nghiên cứu truyện ngắn ĐBSCL từ việc giải mã ký hiệu văn hóa, chúng tôi chủ yếu tập trung khai thác dấu ấn sinh hoạt văn hóa được thể hiện trong những truyện ngắn tiêu biểu của một số nhà văn giai đoạn này. Từ đó, chúng tôi mong muốn bạn đọc có cái nhìn sâu sắc hơn về văn hóa ĐBSCL và mong muốn những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp tiếp tục được gìn giữ trước

sự biến chuyển không ngừng của đời sống hiện đại.

2. Đôi nét về truyện ngắn Đồng bằng sông Cửu Long mười năm đầu thế kỷ XXI

Do lịch sử hình thành và phát triển, ĐBSCL là nơi hội tụ, gặp gỡ của nhiều nền văn hóa: Kinh, Chăm, Hoa, Khmer. Những thể hệ nhà văn, nhà thơ được sinh ra và trưởng thành trên vùng đất này mang trong mình sứ mệnh viết về con người và cuộc sống nơi đây. Đội ngũ sáng tác truyện ngắn ĐBSCL mười năm đầu thế kỷ XXI có sự tiếp nối của các thế hệ nhà văn lớp trước như: Ngô Khắc Tài, Phạm Trung Khâu, Hồ Tĩnh Tâm, Trần Dũng, Phạm Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Lập Em, Trịnh Bửu Hoài, Đặng Hoàng Thám, ... Đến giai đoạn này, họ vẫn tiếp tục có những đóng góp tích cực và để lại dấu ấn trong lòng người đọc. Một số tác giả trưởng thành trong thời bình góp phần tạo nên diện mạo truyện ngắn ĐBSCL là: Hồ Kiên Giang, Trần Mỹ Hiền, Trương Thị Thanh Hiền, Võ Diệu Thanh, Nguyễn Ngọc Tư, Lê Minh Nhật, ... Những nhà văn giai đoạn này sống trong một thời đại mới với tâm thế riêng, thế giới quan, nhân sinh quan mới mẻ. Họ đều là những cây bút được ghi nhận bằng những giải thưởng trong các cuộc thi viết truyện ở khu vực hay trong cả nước. Điểm đáng chú ý, những tác giả này đều trẻ về tuổi đời, mới về phong cách, mạnh dạn có những thể nghiệm trong trang viết. Họ được trải nghiệm những nét văn hóa độc đáo của đồng bằng nên những trang viết của họ mang đậm hồn cốt văn hóa miền Tây Nam Bộ. Đầu thế kỷ XXI, với sự chuyển biến, hòa nhập với xu thế phát triển chung của cả nước, các nhà văn luôn trăn trở viết về những đề tài mới để phản ánh cuộc sống với rất nhiều biến động phức tạp. Họ đi sâu khám phá cuộc sống muôn màu, muôn vẻ, chiêm nghiệm về những đổi thay

của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội đang diễn ra từng ngày.

Các cây bút đồng bằng đã khẳng định tên tuổi của mình bằng những giải thưởng trong một số cuộc thi khu vực và cả nước như: Ca Giao đạt giải Nhì trong cuộc thi “Văn học ĐBSCL, năm 2000”. Trầm Nguyễn Ý Anh đạt giải Nhất cuộc thi “Truyện ngắn ĐBSCL, 2002”. Nguyễn Lập Em đạt giải Ba cuộc thi “Truyện ngắn ĐBSCL, 2002”, tập truyện ngắn *Bến nước Kinh Cùng* đạt giải B Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam 2003. Trương Thị Thanh Hiền đạt giải sáng tác Trẻ của Ủy ban Trung ương các hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2004; giải Ba cuộc thi “Sáng tác về nông nghiệp, nông thôn Việt Nam năm 2009”. Nguyễn Minh Phúc đạt giải Nhì trong cuộc thi “Truyện ngắn ĐBSCL, 2005”. Võ Diệu Thanh được Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật xét tặng giải C năm 2008. Lê Minh Nhựt đạt giải Nhất trong cuộc thi “Truyện ngắn ĐBSCL lần III, năm 2008”. Nguyễn Ngọc Tư là một trong những nhà văn đáng chú ý giai đoạn này. Năm 2000 được xem là năm mở đường gặt hái những thành công trong văn nghiệp của Nguyễn Ngọc Tư bằng giải Nhất cuộc vận động sáng tác “Văn học tuổi 20 lần thứ II” và giải Mai vàng cho Nhà văn xuất sắc. Tháng 10/2008, bà được trao Giải thưởng Văn học ASEAN. Mới đây bà được trao giải thưởng LiBeraturpreis 2018 do Hiệp hội Quảng bá văn học châu Á, châu Phi, Mỹ Latin tại Đức (Litprom) bình chọn.

Thành tựu của truyện ngắn ĐBSCL mười năm đầu thế kỷ XXI được ghi nhận bằng số lượng tác phẩm, số lượng tập truyện xuất bản dưới hình thức in chung và in riêng tương đối dồi dào. Nhiều tác giả đăng tải tác phẩm của mình trên các tờ báo và tạp chí

trong cả nước. Những tác phẩm, những tập truyện gắn liền với tên tuổi của các tác giả như: *Chim hạc bay về* (Ngô Khắc Tài, 2002), *Tiếng sáo bay xa* (Trầm Nguyễn Ý Anh, 2002), *Bến nước Kinh Cùng* (Nguyễn Lập Em, 2003), *Người đứng xứ khác* (Kim Quyên, 2004), *Lời thề* (Trương Thị Thanh Hiền, 2004), *Chim xa cành* (Trịnh Bửu Hoài, 2004), *Bến đò hoa mạn trắng* (Đặng Hoàng Thám, 2008); *Giang hồ vật* (Lê Minh Nhựt, 2008), *Cô con gái ngỗ ngược* (Võ Diệu Thanh, 2010), ... Một số tập truyện in chung của các nhà văn ĐBSCL đáng lưu ý giai đoạn này như: *Truyện ngắn Ba tác giả nữ Đồng bằng sông Cửu Long* (2005), *Văn* (2008), *Buffet truyện ngắn Đồng Bằng* (2009), ... Nguyễn Ngọc Tư gắn liền tên tuổi của mình với những tập truyện tiêu biểu như: *Ngọn đèn không tắt* (2000), *Biển người mệnh mỏng* (2003), *Giao thừa* (2003), *Cánh đồng bắt tận* (tập truyện ngắn, 2005), *Khói trời lộng lẫy* (2010), ...

Bên cạnh số lượng tác phẩm dồi dào, không thể không nói đến thành tựu trên phương diện đổi mới đề tài, đa dạng về phong cách, phong phú về phương thức thể hiện. Các đề tài được lựa chọn đều bắt nguồn từ cuộc sống miền sông nước Cửu Long. Bằng sự trải nghiệm cuộc sống, bằng nỗi niềm đau đáu về nhân sinh, về những đổi thay đang diễn ra trong cuộc sống đời thường, các nhà văn đã mang lại những trang viết về đồng bằng thực sự xúc động. Ở nhiều trang viết, những nét văn hóa độc đáo của cư dân đồng bằng được các nhà văn thể hiện bằng một tâm thức sáng tạo mới mẻ, bằng ý thức giữ gìn và bằng một tình yêu tha thiết với vùng đất và con người châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long nhìn từ địa văn hóa

Trên cơ sở phân tích những điều kiện

địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, người ta có thể lý giải được nhiều khía cạnh văn hóa của cư dân miền Tây Nam Bộ. Từ góc nhìn địa văn hóa, chúng ta có thể tiếp cận và khai thác được chiều sâu cảm thức văn hóa trong các truyện ngắn ĐBSCL. Con người được xem là một bộ phận của tự nhiên, cho nên trong quá trình tồn tại và phát triển, con người chịu những mối ràng buộc và có sự tương tác với môi trường, sinh thái. Lịch sử phát triển của ĐBSCL cho thấy con người đã có mối quan hệ chặt chẽ với tự nhiên, thích nghi với môi trường sống xung quanh họ. Bằng bàn tay lao động, bằng khối óc tư duy, con người kiến tạo những yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể để hình thành giá trị văn hóa phổ quát cho cư dân ở một không gian địa lý nhất định. Quá trình tương tác với môi trường, sinh thái, tương tác với con người trong một cộng đồng xã hội đã giúp cư dân ĐBSCL hình thành những yếu tố văn hóa phi vật thể, đó là dấu ấn văn hóa tâm linh, văn hóa nhân cách. Yếu tố văn hóa vật thể đã để lại dấu ấn trong các sản phẩm, các đồ vật mà cư dân đồng bằng tạo ra.

Những điều kiện tự nhiên, xã hội đặc trưng ở mỗi vùng miền tác động đến sự hình thành văn hóa mang dấu ấn riêng của mỗi vùng miền đó. ĐBSCL là vùng đất mới, có sự cộng cư của nhiều dân tộc, không gian văn hóa là không gian mở. Sự pha trộn, giao lưu văn hóa có chọn lọc đã tạo nên những dấu ấn văn hóa riêng của vùng. Văn hóa đã hình thành trong quá trình con người tương tác với tự nhiên. ĐBSCL là vùng đất trẻ với những điều kiện tự nhiên vô cùng trù phú, thuận lợi cho cuộc sống của lưu dân, nhưng cũng tiềm ẩn trong đó những mối nguy hiểm rình rập, đe dọa. Lưu dân ở ĐBSCL chủ yếu di cư từ những vùng miền khác tới. Do vậy, khi đặt chân đến một vùng đất hoàn toàn xa lạ, họ phải thích nghi và thiết lập

một xã hội mới với những quan hệ mới. Dần dần họ tiếp thu những yếu tố văn hóa mới của nhiều dân tộc khác cộng cư ở ĐBSCL. Quá trình giao lưu văn hóa giữa các dân tộc sinh sống tại đây tất yếu nảy sinh, hình thành những đặc điểm văn hóa mới bên cạnh những nét văn hóa truyền thống đã ăn sâu trong hồn cốt của mỗi người Việt Nam. Văn học sáng tác trên nền tảng địa văn hóa sẽ mang những dấu ấn và đặc điểm khác biệt so với văn học ở các vùng miền khác. Mỗi nhà văn sinh sống trong một môi trường tự nhiên, văn hóa xã hội nhất định, cho nên thế giới quan, nhân sinh quan của họ sẽ chịu ảnh hưởng bởi những đặc trưng địa văn hóa của vùng miền đó. Sự hội tụ của các nền văn hóa Kinh, Chăm, Hoa, Khmer đã tạo nên những nét văn hóa rất độc đáo cho vùng đất này.

Các nhà văn ĐBSCL đã thấm nhuần đời sống văn hóa của vùng đất có nhiều dấu ấn đặc trưng. Tâm thức sáng tác của họ hướng vào khai thác những bình diện văn hóa rất gần gũi của cư dân đồng bằng. Các hình thức nghi lễ, hình thức sinh hoạt văn hóa đã được thể hiện sinh động trong nhiều truyện ngắn. Có thể nói, truyện ngắn ĐBSCL thập niên đầu thế kỷ XXI đã để lại dấu ấn văn hóa vùng miền rất khác biệt, trong đó nổi bật là ba khía cạnh văn hóa: văn hóa tâm linh, văn hóa văn nghệ, văn hóa ẩm thực. Những nét văn hóa trên được thể hiện nhiều nhất trong các truyện ngắn viết về đề tài cuộc sống ở vùng nông thôn miền Tây Nam Bộ.

4. Dấu ấn văn hóa tâm linh, văn hóa văn nghệ, văn hóa ẩm thực

4.1. Dấu ấn văn hóa tâm linh

Tâm linh là một phương diện thể hiện phong phú trong đời sống tinh thần của con người. Biểu hiện của nó tương đối đa dạng và phức tạp. Có những khía cạnh thuộc về

tâm linh không dễ lý giải. Người ta có thể nhận biết những biểu hiện của nó trên nhiều khía cạnh trong cuộc sống đời thường. Văn hóa tâm linh được hình thành trên cơ sở những hoạt động, sinh hoạt liên quan đến đời sống tâm linh của con người ở mỗi vùng miền. Ở ĐBSCL, do có sự hội tụ của nhiều nền văn hóa nên các hình thức văn hóa tâm linh rất phong phú. Hệ thống hình tượng nhân vật trong truyện được xây dựng là những con người mang trong mình ý thức và sứ mệnh gìn giữ những giá trị văn hóa tâm linh độc đáo. Xuất phát từ những đặc điểm của yếu tố địa văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa tâm linh của cư dân vùng sông nước gắn liền với những đặc trưng riêng về tự nhiên, xã hội vùng châu thổ Cửu Long. Trong đời sống tinh thần của người Việt nói chung và người miền Tây Nam Bộ nói riêng, văn hóa tâm linh được thể hiện trong chính niềm tin mãnh liệt của con người vào Trời, Phật, các vị thần, thể hiện trong sự tưởng nhớ của họ đối với người đã khuất, đối với người đã giúp đỡ mình. Biểu hiện cụ thể cho niềm tin và sự tưởng nhớ đó là các hình thức sinh hoạt văn hóa trong cuộc sống đời thường.

Trong truyện ngắn ĐBSCL, các hình thức văn hóa tâm linh được biểu hiện rất đa dạng và phong phú. Truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung và cư dân miền Tây Nam Bộ nói riêng đó là tục thờ cúng trong gia đình. Việc thờ cúng để tưởng nhớ tổ tiên, ông bà, cha mẹ, người thân, họ hàng đã trở thành một nét văn hóa tâm linh không thể thiếu trong mỗi gia đình Việt. Văn hóa tâm linh trong các sinh hoạt cộng đồng đó là tục thờ cúng Thành hoàng, thờ các vị thần có công khai thiên lập quốc, các vị anh hùng của đất nước, hay các danh nhân văn hóa có ảnh hưởng sâu sắc tới cộng đồng. Nhiều tôn giáo đã hình thành và phát

triển trong tiến trình tiếp biến và hội nhập văn hóa của các dân tộc ở ĐBSCL. Do vậy, nhiều nơi thờ tự, chùa chiền, nhà thờ, miếu mạo, ... đã được lập nên để người dân có không gian thực hiện các nghi thức cúng bái, tưởng nhớ. Có những công trình kiến trúc mang ý nghĩa tâm linh đã trở thành di sản văn hóa thu hút đông đảo du khách hành hương thăm viếng. Các lễ hội được tổ chức hàng năm gắn liền với hình thức tín ngưỡng mang bản sắc văn hóa Nam Bộ rất độc đáo.

Lễ Kỳ Yên xuất hiện trong một số truyện ngắn ở ĐBSCL được xem là một nét sinh hoạt văn hóa dân gian truyền thống ở Nam Bộ. Hình thức sinh hoạt văn hóa này mang ý nghĩa tưởng nhớ một vị có công khai phá vùng đất này và khẩn cầu bình an, cuộc sống no đủ. Lễ Kỳ Yên được tổ chức để cúng “một tập hợp thần linh đông đảo không chỉ riêng có thần Thành hoàng Bồn cảnh”. Đây là dịp để mọi người trong gia đình cùng trở về tụ họp, gắn kết với nhau và cũng là dịp mối quan hệ cộng đồng được gắn kết nhiều hơn. Duy trì những hình thức sinh hoạt văn hóa như vậy là hướng cộng đồng duy trì, lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp để giáo dục lòng nhân ái, bao dung, vị tha, hướng thiện. Trong sinh hoạt văn hóa tâm linh còn có những hình thức hát xướng được xem như là một hình thức nghi lễ trang trọng và thiêng liêng. Đó không phải đơn thuần là hình thức sinh hoạt văn hóa văn nghệ bình thường mà đã trở thành một nghi thức độc đáo. Nội dung của những lời hát xướng trong nghi thức văn hóa tâm linh mang tính đạo lý sâu sắc.

Lễ Kỳ Yên được miêu tả trong một số truyện ngắn ĐBSCL đã cho người đọc những hiểu biết về nét sinh hoạt văn hóa này trong đời sống tâm linh của cư dân đồng bằng, và bộc lộ được những trải nghiệm văn hóa của nhà văn. Nét sinh hoạt văn hóa ấy

cũng đã trở thành ký ức đẹp đẽ, gần gũi và ám áp trong tâm thức của biết bao người. Nhà văn Ngô Khắc Tài miêu tả ký ức về lễ cúng Kỳ Yên vào mỗi dịp tháng ba: “Người gốc đồng ruộng bắt đầu nhớ đến ngày cúng đình vào tháng ba. Tiếng trống châu nôn nao thúc giục mọi người, gánh hát bội quần áo sặc sỡ, trai gái chen lấn bên nhau đã ăn sâu trong ký ức ngày còn tuổi thơ” (Ngô Khắc Tài, 2002: 91). Không khí thiêng liêng trong ngày cúng Kỳ Yên được Nguyễn Thanh Lan (Hội Nhà văn Tp. Cần Thơ, 2008: 131) ghi lại như là bối cảnh cho những mối quan hệ tình cảm nảy sinh: “*Thôi thì người qua kẻ lại dập dìu, dịp cúng Kỳ Yên cũng là dịp hẹn hò gặp gỡ của nam thanh nữ tú. Mùi nhang khói thơm ngát tạo bầu không khí thiêng liêng sùng tín nhưng cũng gây khó thở không kém*”. Những dịp lễ như vậy có ý nghĩa sâu sắc đối với đời sống tâm linh, tình cảm của con người. Đó là dịp con người tạm gác những lo toan, vất vả và thường nhật để tổ chức những buổi lễ cầu an, cầu cho mưa thuận gió hòa, tìm được sự bình yên cho tâm hồn trong cuộc sống.

Các nhà văn không chỉ đơn thuần miêu tả những nghi thức sinh hoạt văn hóa tâm linh như trong các diễn ngôn văn hóa thông thường, mà qua việc xây dựng đan xen những khía cạnh văn hóa trong hệ thống giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm, nhà văn muốn làm nổi bật lên những vấn đề về nhân sinh, số phận nào đó. Chẳng hạn, Trâm Nguyễn Ý Anh đã xây dựng hình ảnh một cô đào hát chuyên hát trong những dịp lễ cúng đình, qua đó, khắc họa về cuộc sống, số phận của nhân vật. Đời sống của cô vô cùng khó khăn, thiếu thốn, cô tìm đến nghiệp hát cũng là để kiếm gạo nuôi con, nhưng trên hết cô được sống trong cõi hoàn toàn “thoát tục”. Cô sống chết với nghiệp hát chầu của mình: “*Nhưng không hiểu sao trong lòng chị vẫn*

thấy nhớ tiếng trống, tiếng kèn, tiếng nhạc tung bừng của những buổi tế! Lúc bùng mâm ngũ quả xoay tròn, múa theo điệu nhạc, chị thấy mình không còn là con mẹ nhà nghèo một nách bốn con, kiếm ăn từng bữa. Chị thấy mình đã thoát xa cái kiếp con người tù cực và đã trở thành một người cõi khác. Hồn chị lâng lâng theo tiếng trống tiếng kèn và chị cũng tìm lãng quên trong đó” (Nguyễn Anh Vũ, 2005: 433). Tìm đến văn hóa tâm linh với tất cả sự thành kính, trân trọng, nhân vật khát khao thoát khỏi tình cảnh cơ cực đeo bám trong hiện tại. Có thể nói, những hình thức lễ nghi, cúng bái rất được coi trọng trong sinh hoạt văn hóa của cư dân vùng sông nước.

Quá trình phát triển của vùng ĐBSCL cho thấy lưu dân khi tụ họp về đây đã tương trợ lẫn nhau để cùng tồn tại, những mối quan hệ xã hội cũng từ đó mà hình thành. Bên cạnh mối quan hệ gia đình, dòng tộc thì các mối quan hệ khác như hàng xóm, láng giềng cũng nảy sinh và gắn bó khăng khít. Để chung sống được với nhau thì con người phải có chung tiếng nói về nhân nghĩa, đạo đức. Cư dân đồng bằng đã giao lưu và gắn kết với nhau trong những hoạt động có ý nghĩa cổ kết cộng đồng. Ở vùng đất này, sự hợp lưu các nền văn hóa đã khiến cho các giáo lý Nho, Phật, Lão có điều kiện đi vào đời sống và thấm nhuần vào tư tưởng, tiềm thức của người bình dân bởi tính chất từ bi, bác ái, bởi hạt nhân hướng thiện của các giáo lý ấy.

Con người thường tìm đến chùa, nhà thờ, thánh đường để cầu mong sự an yên trong tâm hồn khi họ gặp những điều bất an trong cuộc sống. Võ Diệu Thanh đã miêu tả nét văn hóa này qua hình ảnh cô Lụa - một cô gái sống thiện lương. Kẻ giết chết em trai, cũng là hàng xóm của cô đã khiến tinh thần của cô không lúc nào yên. Đã có lúc cô

cầu cho anh ta chết đi để cô không phải bận tâm suy nghĩ nữa, nhưng rồi cô lại thấy đau khổ khi cô tưởng những điều mình cầu đang trở thành sự thật. Cô đã vô cùng đau khổ và bất an. Cô tìm đến cửa chùa để cầu khẩn, tìm sự giải thoát cho tinh thần: “*Không phải ngày lễ, ngày rằm nên chùa rất vắng, mấy sư cũng đang tìm chỗ yên tĩnh tụng niệm. Lựa quỳ gối bên tượng đức Như Lai nhắm mắt niệm Phật. Cô ngồi rất im, nghe được tiếng trái tim gõ từng nhịp rớt bởi. Đừng sợ, hãy thành tâm. Cô tự trấn tĩnh mình*” (Võ Diệu Thanh và cộng sự, 2014: 18). Lựa đã niệm Phật, đã tìm đến chùa để cầu sự an lành cho đời sống tinh thần của mình, niềm tin vào thế giới tâm linh ấy đã giúp cô giải tỏa và nhận ra lẽ yêu thương con người.

Một trong những văn hóa truyền thống lâu đời của người Việt đó là tục thờ cúng, tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Trong gia đình người Việt thường có ban thờ để thể hiện sự thành kính, tưởng nhớ những người đã khuất. Cũng như trong tâm thức của người Việt nói chung, cư dân ĐBSCL thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ như là cách để bày tỏ lòng thành kính, biết ơn đối với các đấng sinh thành, với tổ tiên đã cho họ sự sống. Do vậy, lúc nào họ cũng chú trọng đến việc phải sắp xếp ban thờ ra sao cho trang nghiêm và tôn kính: “*Ông nhớ lại lúc nhà vừa cất xong. Ông đề nghị đặt bàn thờ ở nhà dưới đúng như xưa giờ vẫn vậy. Bước vào nhà, phải nhìn thấy cái bàn thờ ông bà, căn nhà mới ấm cúng*” (Nguyễn Anh Vũ, 2005: 360). Trong đời sống hiện đại, nét văn hóa này vẫn được cư dân ĐBSCL duy trì và phát triển. Bởi vì, lối ứng xử thể hiện văn hóa “uống nước nhớ nguồn” đó đã trở thành nét đẹp truyền thống của dân tộc. Nguyễn Ngọc Tư cũng từng miêu tả nét văn hóa tâm linh rất ý nghĩa này. Nhân vật trong truyện luôn có ý thức gìn giữ tục lệ thờ cúng gia tiên bằng một thái độ trân

trọng và thành kính: “*Nhà Trọng có một cái lạ nữa là trên bàn thờ lúc nào cũng chong đèn, ngày tháng này qua ngày tháng khác, năm này qua năm khác, ngọn đèn truyền từ đời cô Trọng, nội rồi tới Trọng, không bao giờ được phép tắt. Chiều nào chị em tôi đi ngang qua cũng thấy Trọng lọ mọ ngồi lau cái bóng đèn hột vịt ám khói, châm dầu bằng cái vể thành kính, nâng niu*” (Nguyễn Ngọc Tư, 2017: 128). Hàng năm, cứ đến dịp gần Tết, theo văn hóa của người miền Tây Nam Bộ, để tưởng nhớ những người đã khuất, người ta thường quét mộ, và cúng bái như là một cách khiến linh hồn người đã khuất âm áp, bởi vì họ quan niệm “trần sao, âm vậy”.

Cư dân ĐBSCL không chỉ thờ cúng tổ tiên, những người thân ruột thịt mà họ còn thờ cúng cả những người có công khai khẩn vùng đất này, thờ những người có ơn nghĩa, đã giúp đỡ, cu mang mình. Đó là văn hóa ứng xử rất cao đẹp và thiêng liêng của cư dân đồng bằng. Hồng Sa đã xây dựng hình ảnh một người nông dân chất phác, bình dị, trọng tình, trọng nghĩa qua việc lập bàn thờ để tưởng nhớ người đã giúp đỡ mình như một ân nhân. Qua lời kể của nhân vật, người đọc thấy được sự trân trọng biết ơn đối với người đã khuất thể hiện qua lối ứng xử mang văn hóa tâm linh:

“- *Ba thờ anh Tám của các con đến hết đời ba. Sau này, mấy đứa con cũng giữa cái bàn thờ này bên cạnh cái bàn thờ ba má, cũng nhang khói dàng hoàng. Theo ba nghĩ, mình đốt một nén hương không phải chỉ để cho người đã khuất được an lòng, mà chính là mình tự sưởi ấm lòng mình khi nhớ tới nghĩa tình với người mà mình thương nhớ. Gia đình anh Tám là ân nhân của gia đình mình*” (Hồ Văn Sanh; Hội Nhà văn Tp. Cần Thơ, 2008: 246).

Sự ứng xử của nhân vật đối với người

đã khuất là sự tưởng nhớ đối với chính ân nhân của mình. Điều này mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với các thế hệ kế thừa truyền thống của gia đình. Người cha như muốn nhấn gửi tới những người con đạo lý sống tốt đẹp, đó là sống có trước có sau, biết nhớ ơn đối với ân nhân của mình, có tinh thần nhân ái, bao dung, rộng lượng, vị tha.

Có thể nói, các nhà văn ĐBSCL đã khai thác khía cạnh văn hóa tâm linh bên cạnh việc coi đó như là một trong những nét sinh hoạt văn hóa đời thường rất gần gũi trong đời sống và tâm thức của người dân. Mặt khác từ góc độ quy chiếu với đời sống tinh thần của nhân vật, những nét sinh hoạt văn hóa đó có ý nghĩa như một điểm tựa thiêng liêng, làm cho nhân vật tạm thời quên đi những khó khăn, tủi cực, đau thương mà có niềm tin vào những điều tươi sáng. Nhân vật tìm đến với thế giới tâm linh như quay về với bản thể, soi chiếu lại chính mình, tìm đến sự bình an trong chính tâm hồn mình.

4.2. Dấu ấn văn hóa văn nghệ

Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng rất đặc trưng với hình ảnh những dòng sông, con rạch chằng chịt, những vườn cây tươi tốt quanh năm, những cánh đồng trải dài ngút mắt... Thiên nhiên ấy mang lại cho con người cảm giác dễ chịu, bình an. Nhiều hình thức sinh hoạt văn nghệ nảy sinh gắn liền với môi trường tự nhiên vùng sông nước như: đua ghe ngo, Ok-om-bok, lễ hội hoa đăng, hò kéo lưới, hò đối đáp, hò chèo ghe, ... Mỗi hình thức hò như hò cấy lúa, hò chèo ghe, hò xay lúa phù hợp với mỗi loại hình sinh hoạt, lao động khác nhau. Tham gia vào hình thức giải trí văn nghệ đó, người dân như tìm thấy niềm vui trong câu hát, điệu hò mà quên đi những khó khăn, vất vả, nhọc nhằn của bản thân. Ở ĐBSCL, đờn ca tài tử cũng là một loại hình sinh hoạt văn hóa độc

đáo. Nghiên cứu về văn hóa nghệ thuật truyền thống, Huỳnh Công Tín cho biết: *“Cái nền của sân khấu cải lương vùng châu thổ Cửu Long đi từ nhạc cung đình mà các bậc tiền hiền mang theo trong cuộc khai hoang, tiếp đến đời ca tài tử ra đời để đáp ứng nhu cầu món ăn tinh thần, rồi ca ra bộ, nghệ thuật ca cổ chuyển dần đến cải lương. Loại hình cải lương là kết tinh của quá trình sáng tạo nghệ thuật gắn liền với quá trình khai hoang, mở cõi”* (Huỳnh Công Tín, 2012: 29). Các loại hình sinh hoạt văn hóa ĐBSCL chủ yếu gắn liền với văn hóa sông nước, mang những dấu ấn rất riêng của vùng.

Hát bội, hát chầu văn là loại hình nghệ thuật dân gian xuất phát từ miền Trung nhưng hình thức thể hiện của nó đã mang dấu ấn gắn với những đặc trưng của vùng sông nước. Khi đến ĐBSCL, người dân đã mang theo loại hình sinh hoạt văn nghệ đó như là một cách để giữ lại, neo đậu lại văn hóa của nguồn cội, cũng là để khuây khỏa nỗi nhớ cố hương. Những người hát chầu văn như được phủ một nét huyền bí mang màu sắc tâm linh. Người dân đồng bằng thích văn nghệ, mê xem hát chầu văn, mê nghe hát bội nên họ luôn có cái nhìn thiện cảm, yêu mến đối với những người trong đoàn hát. Dấu ấn văn hóa văn nghệ được bộc lộ rất đặc sắc trong truyện ngắn của các nhà văn: Ngô Khắc Tài, Diệp Hồng Phương, Nguyễn Ngọc Tư, Hồ Kiên Giang, Trần Phương Lang, ...

Những hình thức sân khấu dân gian miệt vườn xuất hiện phổ biến ở miền Tây, bởi ở đó những điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự phát triển của những hình thức sinh hoạt văn hóa đặc trưng. Trong thời kỳ đầu khai hoang, lập ấp, câu hò, điệu lý đã xuất hiện trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày, gắn liền với lao động, sản xuất. Hình

thức văn nghệ đó thúc đẩy tinh thần của con người, làm cho con người cảm thấy có động lực xua đi những mệt mỏi, nhọc nhằn. Theo Trần Văn Khê (2004: 81): “*Hò là một thể loại diễn xướng trong đời sống người Việt Nam từ thời xa xưa, khởi nguồn từ tập quán sinh hoạt vùng chiêm trũng, diễn tả tâm trạng của người lao động. Hò và Lý tuy có phần giống nhau nhưng Hò thường gắn liền với một động tác khi làm việc còn Lý thì không*”. Các nhà văn ĐBSCL đã xen kẽ đưa những chi tiết văn hóa văn nghệ vào trong tác phẩm, tạo nên sự sinh động cho đời sống được mô tả. Nguyễn Thanh Lan (Hội Nhà văn Tp. Cần Thơ, 2008: 139) đã viết về loại hình văn hóa thú vị này qua sự liên tưởng bất chợt của nhân vật trong hoàn cảnh hiện tại: “*Cô gái hò: “Quân, phụ, mẫu, phụ, thê ngự tại một thoàn (thuyền)/ Một trận giông chìm xuống/ Em hỏi chàng vậy chớ vớt ai?”. Thật là câu đố hóc búa. Nàng đã hỏi: “Khi chàng đang ngồi chung thuyền với vua, cha, mẹ và vợ, nếu thuyền chìm chàng sẽ vớt ai trong số người trên. Bỏ vua thì bất trung, bỏ cha mẹ thì bất hiếu, bỏ vợ thì bất nghĩa”. Chàng trai hò đáp lại: “Quân anh đội trên đầu/ Phụ mẫu anh gánh hai vai/ Hò ơi... này hiền thê ơi lại đây anh công/ Hai tay anh vớt thuyền*”. Câu hò giúp con người gửi gắm tình cảm, bộc lộ nỗi lòng của mình, là sợi dây kết nối con người với con người, khiến họ cảm thấy gần gũi và thân thiết. Thông qua hò đối đáp con người bộc lộ những điều dí dỏm, sôi nổi nhưng cũng đầy ý vị, thâm tình, đầy thông điệp về đạo đức và nhân sinh.

Những làn điệu lý say đắm lòng người với những ca từ mộc mạc, giản dị có sức lôi cuốn người nghe. Để khen một người ca hay, đã chinh phục được người nghe, người dân có cách nói rất đặc biệt: “*Ca mùi rụng rín*” (có nghĩa là ca hay tới mức trên cả

tuyệt vời, “mê ly, say đắm, không còn gì bằng”). Điều đáng nói, khi điệu lý quyện chặt với tâm trạng, cảm xúc của con người thì giọng ca như được tiếp thêm chất men làm say đắm, thổn thức lòng người. Giọng ca của Phi (Lý con sáo sang sông) được đặt trong bối cảnh tâm trạng của anh nặng trĩu nỗi buồn duyên phận: “*Phi không tiễn Thà mà ngồi trên nhà gò chén ca, giọng ca thêm rượu thần sầu*” (Nguyễn Ngọc Tư, 2019: 62). Ngôn ngữ của người miền Tây giàu tính gợi hình, gợi sự liên tưởng, cho nên lời khen của họ cũng độc đáo. Để ca một bài lý lay động tâm hồn người thương thức, người ca phải thực sự hòa quyện tâm hồn, trái tim, cảm xúc vào từng lời ca. Nếu có kỹ thuật mà không có những yếu tố cốt yếu trên thì người ca cũng chưa thực sự tạo được ấn tượng sâu sắc trong lòng người nghe: “*Tôi xin thề với thiên thần thổ địa rằng chưa bao giờ được một bài Lý con sáo sang sông điệu Bạc Liêu đứt ruột như vậy. Nó mênh mang, sâu rút những nỗi nhớ thương từ tim, từ má*” (Nguyễn Ngọc Tư, 2019: 63). Người ca điệu lý “*buồn đứt ruột*” này chính là một chàng trai đang cất lời ca cho mối tình dang dở của mình từ chính gan ruột, trái tim mình. Cho nên, giọng ca của anh mới thấm da diết nỗi buồn rung rức khôn nguôi như “*mênh mang, sâu rút những nỗi nhớ thương từ tim, từ máu*” làm rung lên những điệu cảm xúc trong lòng người nghe. Nét sinh hoạt văn hóa này gắn liền với vùng sông nước, tạo nên dấu ấn đặc sắc riêng. Biết đâu khi “*bút khô*” môi trường sông nước, giọng ca ấy tuy có hay đấy nhưng có thể sẽ thiếu vắng cái hồn cốt văn hóa rất đặc trưng vùng sông nước mà nếu “*thiếu sông, thiếu nước, coi như hết hay rồi*” (Nguyễn Ngọc Tư, 2019: 58).

Loại hình nghệ thuật cải lương đặc biệt được người miền Tây yêu thích. Họ coi đây

là một loại hình nghệ thuật độc đáo không thể thiếu trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của họ. Cải lương lịch sử và cải lương tâm lý xã hội là hai thể loại cải lương phổ biến ở miền Tây Nam Bộ. Truyện ngắn ĐBSCL đã xây dựng những nhân vật có tình yêu tha thiết với cải lương. Có những người tìm đến cải lương, mượn những lời ca tha thiết để độc bầu chia sẻ những cảm xúc thương giận, hạnh phúc, đau khổ trong tình yêu, những suy nghĩ về các mối quan hệ trong gia đình, về những chuyện nhân tình thế thái, những khúc quanh co của số phận. Có những người đam mê nghiệp hát đến tận cuối đời, bởi vì nét sinh hoạt văn hóa này đã ăn sâu vào máu thịt, tâm hồn của họ. Chẳng hạn, Đào Hồng là một nghệ sỹ sống chết với nghề như thế: “Đào Hồng óm sát chiếu nhưng vẫn đời ra hát. Ông Chín vẽ chân mày, tô phấn, thoa son cho bà rồi điệu bà ra ghé. Bà ngồi ghé mà hát. Bà hát cho Thái Hậu Dương Vân Nga trước ngón ngang nợ nước tình nhà, hát cho nàng Quỳnh Nga bên cầu dệt lụa, cho nàng Thoại Khanh hiểu thảo róc thịt nuôi mẹ chồng, cho nàng Châu Long tảo tần nuôi Dương Lễ, Lưu Bình ăn học và cho Tô Thị trông chồng hóa đá vọng phu...Đào Hồng hát đến lịm tiếng đi. Bà ngồi trên sân khấu gục đầu” (Nguyễn Ngọc Tư, 2017: 49-50). Người miền Tây say mê thường thức cải lương bởi vì trong lời ca đó có những con người dạt dào tinh thần yêu nước, lòng hiếu thảo, nghĩa tình bạn bè sâu đậm. Nghe cải lương, hát cải lương cũng là một cách để con người tự răn mình, giáo dục cháu con của mình về điều hay, lẽ phải, nhân nghĩa ở đời. Có những người say mê cải lương tới mức thuộc nằm lòng từng lời thoại của nhân vật. Câu chuyện được thể hiện trong các vở cải lương rất đời, rất gần gũi với văn hóa, phẩm chất, đạo đức của người miền Tây. Trong nhiều tác phẩm,

Nguyễn Ngọc Tư đã thể hiện vốn hiểu biết văn hóa sâu sắc về miền Tây qua việc phân ảnh những nét sinh hoạt văn hóa văn nghệ: “Đằng trước rạp, nhóm ca cải lương dạo đờn lừng ta lừng từng rồi ai đó vô câu vọng cổ ngọt xót. Không biết vô tình hay cố ý, anh chàng nọ kê micro gần miệng mà uống rượu. Nghe đánh cái chóc giòn thiệt giòn rồi khà ra tuồng như cay đắng lắm, chua xót lắm, bắt thèm” (Nguyễn Anh Vũ, 2005: 63).

Từ lâu, sinh hoạt đờn ca tài tử đã trở thành một nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng của vùng Nam Bộ nói chung và miền Tây Nam Bộ nói riêng. Loại hình nghệ thuật này xuất hiện ở miền Tây Nam Bộ vào giữa thế kỷ XIX, có nguồn gốc từ nhạc lễ cung đình. Khi đi vào đời sống văn hóa tinh thần của cư dân vùng sông nước, đờn ca tài tử đã trở nên gần gũi, quen thuộc và trở thành nét sinh hoạt văn hóa phổ biến trong đại chúng. Lời ca trong nghệ thuật đờn ca tài tử có thể giúp người nghe hiểu được tâm trạng, cảm xúc của người đang ca. Đờn ca tài tử là nét sinh hoạt văn hóa quen thuộc trong đời sống của cư dân ĐBSCL nên các nhà văn đã đưa hình thức sinh hoạt văn nghệ này vào tác phẩm khiến truyện ngắn của họ mang dấu ấn văn hóa đặc trưng rõ nét. Diệp Hồng Phương đã miêu tả tài năng của những người suốt một đời sống chết với nghề. Niềm say mê đờn ca của họ được nhà văn khắc họa: “Chú Út Thau có ngón đờn kìm chắc từng tiếng một và óm sát tiếng dây đồng của cây ghi-ta do Bảy Đờn đâm trách. Có Hạnh vừa nhịp song lang vừa ca, tuy còn nhỏ mà lời ca nghe như đã nhuốm mùi đời, chất giọng đắng cay như một người chịu lắm thăng trầm trong cái bể tình yêu nhiều sóng gió” (Diệp Hồng Phương, 2001; Đoàn Thạch Biên và cộng sự, 2009: 230). Mỗi tiếng đờn, lời ca như chuyên chở cả tâm hồn

và trái tim của người thể hiện. Chỉ có thực sự say mê đờn ca tài tử, người ta mới có thể lột tả được hết cái thần thái mà hình thức văn hóa nghệ thuật này mang lại.

Trong tâm thức của người miền Tây, tiếng đờn ca đã trở thành một phần máu thịt của họ, chỉ cần nghe văng vẳng tiếng đờn đâu đó là cả vùng trời ký ức quen thuộc ùa về khiến họ nôn nao, thổn thức: *“Tiếng đờn kìm và những giọt đờn tranh dẫn Út Thau về những vùng sông nước xa xôi, với chiếc ghe hát người chèo kẻ chống đưa gánh hát cái lương đến với bà con miệt Năm Căn, Cái Nước thuở đó muối mòng kinh thiên, tôm cá lợi chạt sông rạch”* (Diệp Hồng Phương, 2001; Đoàn Thạch Biền và cộng sự, 2009: 236). Trong ký ức của người miền Tây có lẽ họ đã từng có một thời hào hứng, say mê, đón chờ những gánh hát cái lương, hát bội về miệt của mình. Họ trông chờ được gặp những người nghệ sỹ mà họ yêu mến, được nghe những giọng ca quen thuộc cuốn hút lòng người. Nói về niềm say mê coi hát, Nguyễn Thanh Lan (Hội Nhà văn Tp. Cần Thơ, 2008: 131) lý giải một chi tiết trong thành ngữ của dân gian: *“Nghe nói mấy ông chúa sơn lâm cũng ghiền coi hát bội, cứ ngồi chò hổ ngoài rào để xem hát, riết rồi hình thành thuật ngữ “Coi hát cộp” - Tức là xem hát mà không phải mua vé. Tới nổi đoàn hát đã dọn đi rồi mà mấy ông ba mươi sau đó vẫn còn lảng vảng nơi ấy như tiếc nhớ. Loài cộp còn như thế, huống chi con người”*. Cho thấy, con người nơi đây rất say mê nghe hát: *“Đêm đông bằng âm vang tiếng trống hát bội, náo nức lòng người”* (Trần Phương Lang; Hội Nhà văn Tp. Cần Thơ, 2008: 145).

Những người say mê nghiệp hát luôn có lòng tận tụy với nghề, dẫu cho: *“Nghề hát xướng dù có no, có đói nhưng đi bình bông nơi này nơi nọ. Tôi biết đàn, biết*

xướng 6 câu vọng cổ, đi theo gánh hát thoi thì làm đũa kéo màn cũng được, vẫn vui hơn” (Ngô Khắc Tài, 2002: 105). Có những người tuổi cao, sức yếu không còn được thỏa sức đam mê trên sân khấu, nhưng họ vẫn đau đầu với nghiệp ca hát: *“Những con người tính từng ngày qua để lắt lay thêm một tuổi nữa vậy mà hát coi cũng ngon lành. Sân khấu là cái hàng ba trông ra sân rộng, luống nào trồng bông sao nhái, bông mười giờ thì trồng, chỗ trống dành cho bà con ngồi. Dàn đờn gồm cây ghi-ta thùng, cây nhị cũ mềm. Không micrô, nghệ sỹ ca bằng giọng của trời cho, nghiệp dãi. Đào Phi tám mươi chín tuổi, đứng không nổi, diễn vai gì cũng ngồi trên ghé, ngồi trên ghé mà lấy roi sây ngựa coi lạ hết biết”* (Nguyễn Ngọc Tư, 2017: 42).

Có một nghịch lý là dù người dân rất say mê ca hát, người theo nghiệp hát cũng biểu diễn bằng tất cả tài năng, tâm huyết của mình, nhưng đời sống của những người nghệ sỹ trong gánh hát lại vô cùng khó khăn. Nhiều khi họ phải làm đủ mọi công việc để có thể duy trì được gánh hát, nuôi dưỡng đam mê: *“Lăn trong những hàng bắp khoai, cháo chè còn có một anh quay số kẹo kéo. Té ra đó là anh kếp Hoàng Thiện, đoàn hát có tất cả 10 người, ngoài hò hát ra còn kiêm thêm nhiệm vụ bảo vệ, soát vé, bán kẹo kéo như Hoàng Thiện. Qua ngày sau, người ta thấy cả anh kếp Hữu Thiện xách tông-đơ đi hớt dạo, đào Hằng Nga xách cần câu đi câu cá”* (Ngô Khắc Tài, 2002: 97). Điều đáng quý ở người dân mê xem gánh hát là họ hiểu được những khó khăn của những người nghệ sỹ nên họ hết lòng ủng hộ, cu r mang gánh hát để họ lại thường xuyên được thưởng thức tiếng đờn, giọng ca của những nghệ sỹ tài năng mà họ yêu mến.

Có thể nói, các hình thức sinh hoạt văn

hóa văn nghệ không chỉ cho thấy sự đa dạng, phong phú trong đời sống tinh thần của cư dân sông nước mà còn làm nổi bật lên tấm lòng nhân nghĩa, bao dung, lối ứng xử văn hóa rất đẹp của cư dân ĐBSCL. Họ đã góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tinh thần tốt đẹp của vùng sông nước Cửu Long.

4.3. Dấu ấn văn hóa ẩm thực

Đồng bằng sông Cửu Long được xem là vùng có nguồn thực phẩm tự nhiên dồi dào do đặc trưng điều kiện về địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng mang lại. Hệ động, thực vật đa dạng, dồi dào đã khiến cho văn hóa ẩm thực của cư dân đồng bằng tương đối phong phú. Bên cạnh đó, những thuận lợi về tự nhiên đã giúp con người có thể tạo ra nhiều loại thực phẩm nhờ việc trồng trọt, chăn nuôi. Văn hóa ẩm thực ở ĐBSCL mang những nét độc đáo, hấp dẫn mà không phải nơi nào cũng có được. Những món ăn mang đậm dấu ấn độc đáo rất đặc trưng của ĐBSCL có thể kể đến là: canh chua cá đồng nấu với bông điên điển, cá kho tộ, cá lóc nướng trui, mắm kho, chuột khìa, cá linh nhúng giấm, các loại khô như: khô sặt, khô lóc, khô cá kèo chấm với mắm me. Một nét rất độc đáo trong văn hóa ẩm thực của con người nơi đây đó là sự phối hợp của nhiều loại rau trong cùng một bữa ăn. Có rất nhiều loại rau được kết hợp làm cho bữa ăn trở nên dân dã mà không kém phần hấp dẫn.

Đời sống của cư dân đồng bằng được phác họa chân thực và sinh động qua những nét văn hóa ẩm thực dân dã, độc đáo. Văn hóa ẩm thực đã trở thành một phần trong tâm thức của mỗi người dân đồng bằng nên dù có đi đâu xa họ vẫn đau đáu nhớ về những hương vị ven nguyên quen thuộc của những món ăn quê kiểng, bình dị. Bởi vì, nét văn hóa ẩm thực đó đã trở nên quen thuộc, gắn bó và để lại dấu ấn sâu đậm

trong tiềm thức, hồn cốt của mỗi người dân đồng bằng.

Đặng Hoàng Thám (2008: 49) đã ghi lại những cảm nhận sâu sắc về dư vị âm áp tình quê qua ký ức ngọt lành của nhân vật “tôi”: *“Buổi chiều, tôi theo chị Đoan ra vườn hái bông so đũa nấu canh chua. Món canh chua cá rô đồng với môn đùm và bông so đũa. Chát làm chua là xoài dốt, giấm ra như me ở chợ, chua chua, ngọt ngọt. Khi nồi canh đã chín, rau mùi ôm xắt nhuyễn bỏ vào. Nồi canh thơm ngát mùi hương đồng nội, cái mùi hương đã đi theo tôi suốt từ thời thơ ấu xa xôi cho đến lúc trưởng thành. Những năm về sau này, và những năm sau nữa; những lúc đi xa, những lúc nhớ nhà, tôi nhớ luôn cái nồi canh chua cá rô đồng, xoài dốt và bông so đũa”*. Ký ức của nhân vật đậm sâu những hình ảnh quen thuộc như: bông so đũa, cá rô đồng, môn đùm, xoài dốt, me, rau mùi ôm, ... Những thứ bình dị đó tạo thành món canh chua mang hương vị đặc trưng của miền Tây sông nước mà không phải nơi nào cũng có được. Sự đa dạng của hệ sinh thái đồng bằng đã làm phong phú văn hóa ẩm thực cho cư dân miền Tây Nam Bộ.

Khung cảnh ĐBSCL yên bình với những nét văn hóa ẩm thực độc đáo luôn có sức thu hút, hấp dẫn riêng. Hương vị của miền quê luôn có sức vẫy gọi con người trở về để được tận hưởng cảm giác bình yên, gần gũi: *“Mấy ngày ở quê tôi được ưu ái của anh chị em họ, được bơi xuống hái bông súng, điên điển, bắt ốc, tắm sông, kho mắm, làm bánh gói, bánh xèo... nói chung là những yêu cầu mà tôi muốn kiểm nghiệm từ vốn liếng về vùng đất cù lao mà tôi học được từ bà ngoại”* (Ca Giao, 2003; Đoàn Thạch Biền và cộng sự, 2009: 106). Những món ăn gần gũi, quen thuộc gắn liền với hình ảnh thiên nhiên miền quê như: bông

súng, bông điên điển, đọt choại, bông so đũa, trái me, mắm kho, bánh xèo, bánh ít, ... đã làm nên dấu ấn văn hóa ẩm thực trong cuộc sống sinh hoạt của người miền Tây. Không phải là những thứ cao sang, đắt đỏ mới làm nên giá trị của văn hóa ẩm thực, chỉ cần đó là những thứ dân dã, bình dị, gắn liền với đời sống sinh hoạt của con người, trở thành dấu ấn không thể phai mờ trong tiềm thức của mỗi người thì cũng đủ tạo nên nét văn hóa ẩm thực đặc trưng cho vùng miền.

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư thấm đẫm chất văn hóa hồn hậu của vùng sông nước Cửu Long. Chị đưa vào trang viết hồn cốt văn hóa của đồng bằng một cách nhẹ nhàng mà vô cùng ấn tượng, thấm thía. Ngay cả một mùi hương thoang thoảng quen thuộc của các món ăn dân dã cũng được chị gửi gắm vào đó bao nhiêu là thương mến: *“Căn nhà tự nhiên lặng lẽ đến kỳ lạ, nghe tiếng thằng Bàu thở ngờ ngàng, nghe cả tiếng ơ cá kho sôi tăm tăm trên bếp, tôi nghĩ thấy đâu đây mùi bông súng Đà Lạt thơm dịu, ngọt thanh pha cái mùi tanh tanh của bùn dưới đáy ao”* (Nguyễn Ngọc Tư, 2017: 135). Nguyễn Ngọc Tư yêu đến tha thiết, đắm sâu trong máu thịt văn hóa ẩm thực của quê mình. Mỗi món ăn dù cao sang hay bình dị đều gắn với sự cảm nhận, thưởng thức của chủ thể. Người ta không chỉ ăn để có sức khỏe, mà còn để cảm nhận, để tạo niềm vui cho mình và cho người khác, nên văn hóa ẩm thực vừa mang giá trị vật chất, vừa mang giá trị tinh thần. Trong tâm hồn, ký ức của mỗi người đều mang những giá trị hồn cốt văn hóa ẩm thực nơi họ sinh ra và lớn lên, để rồi dù có đi bất cứ nơi đâu thì họ cũng luôn hướng về nơi đã nuôi dưỡng, bao bọc họ: *“Cô bỗng nhớ quay quắt mẹ! Trâm nhớ những chiếc bánh mẹ làm. Những chiếc bánh ấy có khi chưa chắc đã ngon lắm, nhưng với Trâm đó là cả*

một tình yêu thương triu mến mà mẹ đã dành cho cô” (Đặng Hoàng Thám, 2008: 140). Khi trong tâm hồn mỗi người đã ghi dấu ấn văn hóa về vùng đất “chôn nhau cắt rốn” thì dù có đi bốn phương trời họ cũng không thể nào quên được những thứ dân dã, bình dị đã ăn sâu vào tâm hồn, ký ức của họ.

Không chỉ viết về những nét văn hóa ẩm thực độc đáo của cư dân đồng bằng, mà các nhà văn còn xây dựng hình tượng những nhân vật có ý thức mang những nét văn hóa ẩm thực của quê hương giới thiệu đến bạn bè quốc tế. Đặng Hoàng Thám đã viết về Trâm - một người con của đồng bằng luôn dành tình cảm tha thiết hướng về quê hương và xây dựng hình ảnh di Muời, một người luôn mang ý thức gìn giữ và quảng bá những nét văn hóa ẩm thực độc đáo của miền Tây: *“Trâm say sưa nhìn di Muời như đang xem một diễn viên mà cô ái mộ! Tất cả các công đoạn xay bột, làm bánh đều theo phương pháp thủ công truyền thống mang dấu ấn và sắc màu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long”* (Đặng Hoàng Thám, 2008: 140). Trong xu thế hội nhập và tiếp biến văn hóa hiện nay, việc quảng bá văn hóa để thế giới có thể hiểu biết nhiều hơn về bản sắc văn hóa của cư dân ĐBSCL nói riêng và văn hóa Việt nói chung là vấn đề rất được chú ý. Đây cũng là cách để mỗi người con yêu nước bộc lộ tình yêu với quê hương, xứ sở.

Những nét sinh hoạt văn hóa ẩm thực gần gũi, quen thuộc với người dân ĐBSCL đã được các nhà văn thể hiện trong nhiều truyện ngắn. Sự đa dạng của những điều kiện sinh thái nơi đây đã góp phần tạo nên nét văn hóa ẩm thực độc đáo. Những món ăn để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn của mỗi người lại là những món được tạo nên từ những thứ rất dân dã sẵn có trong môi trường sông nước. Cho nên, dù không cầu

kỳ, phức tạp nhưng chính những thứ bình dị đó lại tạo nên hương vị đặc biệt cho văn hóa ẩm thực. Để rồi, dù có được thưởng thức những thứ “cao lương, mỹ vị” thì trong tâm thức của người dân đồng bằng vẫn mang nặng những giá trị văn hóa đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống tinh thần của họ.

5. Kết luận

Qua tìm hiểu truyện ngắn Đồng bằng sông Cửu Long mười năm đầu thế kỷ XXI từ góc nhìn văn hóa, có thể thấy văn hóa tâm linh, văn hóa văn nghệ, văn hóa ẩm thực cùng với nhiều nét văn hóa đặc trưng khác đã được các nhà văn nêu bật giá trị sâu sắc trong đời sống tinh thần của cư dân đồng bằng. Giải mã truyện ngắn từ góc nhìn văn hóa mang đến cho người đọc ấn tượng rõ nét về một Đồng bằng sông Cửu Long với dấu ấn văn hóa phong phú, đa dạng mang đặc trưng của những điều kiện tự nhiên vùng sông nước. Người đọc không chỉ thấy được một Đồng bằng sông Cửu Long hội tụ, giao thoa những giá trị văn hóa độc đáo của các dân tộc: Kinh, Chăm, Hoa, Khmer mà còn thấy được những giá trị văn hóa trong xu thế hội nhập và tiếp biến hiện nay. Những giá trị văn hóa cốt lõi sẽ luôn tồn tại trong tâm thức của người dân đồng bằng, dẫn cho đời sống hiện đại có thể làm phai nhạt đi nhiều thứ nhưng những giá trị văn hóa tốt đẹp sẽ luôn được gìn giữ, phát triển và trân trọng; phải chăng đó là thông điệp ý nghĩa mà các nhà văn muốn nhắn gửi tới bạn đọc. Ngày nay, những giá trị văn hóa của Đồng bằng sông Cửu Long có sự dịch chuyển, tiếp biến ra sao? Liệu những giá trị văn hóa truyền thống có còn được duy trì trong đời sống của cư dân đồng bằng? Các nhà văn trăn trở về sự thay đổi như thế nào

trong các tác phẩm của mình? Chúng tôi hy vọng sẽ có thêm nhiều bài viết nghiên cứu để cho thấy được cái nhìn toàn diện hơn về những giá trị văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long qua các trang viết của các nhà văn đồng bằng.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Hoàng Thám (2008). *Bến đò hoa mạn trắng*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn nghệ.
- Đoàn Thạch Biên, Nguyễn Đông Thức và Lê Minh Quốc (tuyển chọn) (2009). *Buffet truyện ngắn Đồng bằng - truyện ngắn tự chọn của 20 nhà văn ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Hội Nhà văn Tp. Cần Thơ (2008). *Văn*. Cần Thơ và Tp. Hồ Chí Minh: Hội Nhà văn Tp. Cần Thơ và Nxb Văn nghệ.
- Huỳnh Công Tín (2012). *Ấn tượng văn hóa đồng bằng Nam Bộ*. Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật.
- Ngô Khắc Tài (2002). *Chim hạc bay về*. An Giang, Nxb Văn nghệ An Giang.
- Nguyễn Anh Vũ (tuyển chọn) (2005). *Truyện ngắn ba tác giả nữ (Đồng bằng sông Cửu Long)*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Nguyễn Ngọc Tư (2019). *Giao thừa* (Tái bản lần thứ 22). Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Ngọc Tư (2017). *Ngọn đèn không tắt* (Tái bản lần thứ 16). Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Trần Văn Khê (2004). *Du ngoạn trong âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Võ Diệu Thanh, Hải Miên và Đỗ Duy (2014). *Mắt bão* (Tập truyện các tác giả đoạt giải văn học tuổi 20 lần IV). Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.